

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2020/HS-ST

Ngày: 25 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Sửu và Bà Đinh Thị Lương Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Thiệu Quốc L (tên gọi khác: Linh T), sinh năm 1995 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Thiệu Viết T (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1972; bị cáo có vợ là chị Lê Thị N, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2014;

Tiền án 02:

Ngày 02/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Tại Bản án số 13/2017/HSST ngày 02/3/2017);

Ngày 28/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Tại Bản án số 04/2019/HS-ST ngày 28/01/2019); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2020 cho đến nay “có mặt”.

2. Phan Tuấn P (tên gọi khác: Tí A), sinh năm 1998 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn) 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phan Đức M, sinh năm 1967 và bà Lưu

Thị Kim T, sinh năm 1973; bị cáo có vợ là chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1997 và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 28/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Tại Bản án số 125/2016/HSST ngày 28/9/2016)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2020 cho đến nay “có mặt”.

Người bị hại:

Bà Nông Thị L, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 5, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Mai Hà Đức G, sinh năm 1985; nơi cư trú khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin xét xử vắng mặt”

Bà Nông Thị N (không rõ năm sinh); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 5, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (mẹ ruột chị Nông Thị L) “vắng mặt”.

Người làm chứng:

Bà Đặng Thị T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Bà Mai Thái Thùy D, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 28/4/2020, Thiệu Quốc L đi đến nhà trọ của anh Nguyễn Tiến M, trú tại khu phố P, phường T, thành phố Đ thì thấy phía trước dãy nhà trọ có một xe mô tô biển số 93L1-363.69 của chị Nông Thị L không có người trông coi nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe trên đi cầm cố hoặc bán lấy tiền tiêu xài. L lén lút đi vào rút dây điện đầu mở nguồn điện của xe mô tô rồi đề máy xe chạy đến quán cà phê của chị Đặng Thị Khánh V, trú tại khu phố 01, phường T, thành phố Đ thì gặp Phan Tuấn P (tên thường gọi là Tí A) hỏi mượn tiền nhưng P không có tiền nên L điều khiển xe đi lên gần quán cà phê “Sosan” ở xã P, huyện P rồi tháo biển số và yếm chắn gió của xe mô tô vứt ở bụi cây ven đường. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, L chạy xe mô tô không có bửng, không có biển số quay lại quán của chị V và nói với P cầm giùm chiếc xe mô tô với giá 1.000.000đ thì P xem xe thấy không có biển số, không có giấy tờ, ổ khóa điện bị hỏng chìa khóa bị cong không phải chìa khóa nguyên bản theo khóa nên hỏi L biển số xe và yếm chắn gió đâu rồi thì L nói vứt hết rồi, P biết xe mô tô trên do L trộm cắp

mà có được. Nhưng do cần tiền tiêu xài nên P đồng ý mang xe mô tô đi cầm giùm cho L, sau đó P điều khiển xe mô tô đi tìm người cầm nhưng do xe không có biển số nên không có người cầm. Sau đó, P chạy xe đến tiệm bán cá “Thùy D” gặp bà Nguyễn Thị H, ngụ tại khu phố T, phường T, thành phố Đ hỏi cầm xe mô tô nhưng bà H không cầm, lúc này P ở tiệm bán cá “Thùy D” chơi đến khoảng 02 giờ sáng ngày 29/4/2020, L đến tiệm bán cá “Thùy D” gặp P hỏi về chiếc xe thì P nói xe bị Công an bắt rồi nên L quay lại quán của chị V nằm. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày P gặp Trương Thế A (tên thường gọi là Cu T) hỏi mượn biển số xe 93P2-599.91 rồi đem xe mô tô đến tiệm sửa xe “Đức G” của anh Mai Hà Đức G, trú tại khu phố 01, phường T, thành phố Đ gắn biển số vào rồi nhờ anh G thay ổ khóa điện của xe mô tô và dán yên xe. Sau đó P quay lại tiệm bán cá “Thùy D” gặp bà H hỏi cầm xe mô tô để đổi điểm bán cá thì bà H hỏi xe mô tô đâu, P chỉ xe mô tô đang ở tiệm sửa xe của anh G, bà H đồng ý cầm xe mô tô với giá 3.000.000 đồng nhưng không lấy tiền mà đổi thành 150.000 điểm và nạp vào máy bán cá cho P chơi, sau khi chơi bán cá thua hết số tiền trên thì P nằm tại tiệm bán cá ngủ. Đến khoảng 15 giờ ngày 29/4/2020, đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Đ phối hợp Công an phường T kiểm tra tiệm sửa xe máy “Đức G” phát hiện và thu giữ xe mô tô biển số: 93P2 -599.91, ngày 30/4/2020 L, P bị bắt khẩn cấp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 76 ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ định giá: 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu biển số 93L1- 363.69 trị giá: 4.300.000 đồng.

Quá trình điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu biển số 93L1- 363.69; 01 chìa khóa xe mô tô có ghi chữ Yamaha bị bẻ cong; 01 ổ khóa điện của xe mô tô.

Ngày 08/5/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ trả lại cho chị Nông Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN màu nâu biển số 93L1- 363.69.

Tại Bản cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Thiệu Quốc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Tuấn P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức Thiệu Quốc L mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Tuấn P mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha bị bẻ cong và 01 ổ khóa điện xe mô tô.

Các bị cáo L và P tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 26/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cơ bản là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, biên bản định giá tài sản; kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và chơi game nên khoảng 09 giờ ngày 28/4/2020 lợi dụng việc chị Nông Thị L sơ hở trong việc quản lý tài sản nên Thiều Quốc L đã lén lút vào dãy nhà trọ của anh Nguyễn Tiến M tại khu phố P, phường T, thành phố Đ lén lút phá khóa điện lấy trộm xe mô tô biển số 93L1-363.69 của chị L. Sau khi lấy trộm được tài sản L đưa cho Phan Tuấn P cất giữ, mặc dù biết được tài sản do L lấy trộm có được nhưng P vẫn chứa chấp và đem đi cầm cố với bà Nguyễn Thị H đổi điểm chơi game bắn cá.

Căn cứ vào hành vi của bị cáo L thực hiện và nhân thân bị cáo đã có 02 tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là “tái phạm nguy hiểm” nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lấy trộm tài sản và đem tài sản chiếm đoạt trái phép đi tiêu thụ là sai trái và bị pháp luật nghiêm trị nhưng vì mục đích vụ lợi, tiêu xài cá nhân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nên cần thiết

phải có mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi của bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cũng như để phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Thiều Quốc L: Bị cáo là người nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán kiếm tiền tiêu xài và cũng chính bị cáo là người thực hành lấy trộm tài sản, vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Đối với bị cáo Phan Tuấn P: Mặc dù không hứa hẹn tiêu thụ tài sản do bị cáo L phạm tội, nhưng sau khi cầm xe, biết được tài sản do L chiếm đoạt trái phép mà có bị cáo vẫn chưa chấp sau đó đem đi cầm cố, do đó cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn đã thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Đối với chị Đặng Thị T và anh Mai Hà Đức G khi nhận xe mô tô để sửa cho anh Phan Tuấn P nhưng không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xử lý

Đối với chị Đặng Thị Khánh V khi bị cáo L đem xe đến quán nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý

Đối với chị Nguyễn Thị H khi cầm xe cho P nhưng không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xử lý

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L xảy ra trên địa bàn huyện P, Công an thành phố Đ đã có văn bản đề nghị xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 4 vụ trộm cắp tài sản bị cáo L khai thực hiện tại khu phố P, phường T, thành phố Đ, Công an thành phố Đ đang xác minh bị hại để có căn cứ xử lý theo quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại chị Nông Thị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha bị bể cong và 01 ổ khóa điện xe mô tô.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Thiệu Quốc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phan Tuấn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thiệu Quốc L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/4/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Tuấn P 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/4/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha bị bể cong và 01 ổ khóa điện xe mô tô.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001838, quyền số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo L và P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

- *CA thành phố Đ;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP.*

Lê Văn An